

PHỤ LỤC SỐ 7

BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT GIAI ĐOẠN 2020 – 2024

TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HẠ LANG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)



I. NHÓM ĐẤT NÔNG NGHIỆP

BẢNG 1: BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG LÚA

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã đồng bằng				
	Đất chuyên trồng lúa	LUC	78	55	31
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	71	50	29
	Đất trồng lúa nương	LUN	49	35	20
2	Xã trung du				
	Đất chuyên trồng lúa	LUC	66	47	26
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	60	42	24
	Đất trồng lúa nương	LUN	42	30	17
3	Xã miền núi				
	Đất chuyên trồng lúa	LUC	56	40	23
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	52	36	20
	Đất trồng lúa nương	LUN	36	25	14

BẢNG 2: BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM KHÁC

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

ST T	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã đồng bằng				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	65	46	26
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	46	32	18
2	Xã trung du				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	55	38	22
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	38	26	16
3	Xã miền núi				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	47	32	19
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	32	23	13

BẢNG 3: BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã đồng bằng	CLN	62	46	32
2	Xã trung du	CLN	53	37	22
3	Xã miền núi	CLN	46	32	18

BẢNG 4: BẢNG GIÁ ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

TT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất
1	Xã đồng bằng	RSX	13
2	Xã trung du	RSX	11
3	Xã miền núi	RSX	9

BẢNG 5: BẢNG GIÁ ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã đồng bằng	NTS	44	31	18
2	Xã trung du	NTS	38	28	16
3	Xã miền núi	NTS	32	23	13

II. NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP

BẢNG 6: BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
I	Xã trung du				
1	Xã Quang Long				
	Các vị trí đất mặt tiền đường Quốc lộ 4A (xóm Bó Chia).	420	315	236	189
	Các vị trí đất mặt tiền trong xóm Bó Chia đến Canh Nhan và Pác Sinh.	420	315	236	189
	Các vị trí đất mặt tiền từ Canh Nhan đến dốc Keng Sàng.	358	269	201	161
	Các vị trí đất mặt tiền đường GTNT từ Pác Sinh vào xóm Bó Chia	358	269	201	161
	Đoạn đường từ Keng Sàng đi Xa Lê – xóm Kỳ Lạc	358	269	201	161
2	Xã Thị Hoa				
	Đoạn đường từ Kéo Háng theo đường tỉnh lộ 207A đến cửa khẩu Hạ Lang	420	315	236	189
	Đoạn đường từ ngã ba UBND xã đến Kéo Rin (Co Mòi) (hết thửa đất số 43, tờ bản đồ 44)	420	315	236	189
	Các xóm ven đường Tỉnh lộ 207A (Tổng Nưa, Pò Măn, Phia Đán).	358	269	201	161
	Đoạn đường từ Kéo Rin (Co Mòi) (tiếp giáp thửa 43, tờ bản đồ 44) đến xóm Ngườm Già tiếp giáp xã Cô Ngân	358	269	201	161
	Đoạn đường vào các xóm trong xã (Bản Khu, Bản Nhàng, Đông Cầu, Cốc Nhan, Thôm Quỳnh, Ngườm Già)	358	269	201	161
3	Xã Lý Quốc				
	Đoạn đường từ trường tiểu học Lũng Pấu (cũ) đến cửa khẩu Lý Vạn	420	315	236	189
	Các vị trí đất mặt tiền xung quanh chợ Bằng Ca	420	315	236	189
	Đoạn đường từ ngã tư lên chợ Bằng Ca theo đường QL 4A đi Hạ Lang đến nhà bà Chu Thị Lan (thửa đất số 37, tờ bản đồ 63)	420	315	236	189
	Đoạn đường từ ngã tư lên chợ Bằng Ca theo đường Tỉnh lộ 207 đi Lý Vạn đến ngã ba đường rẽ lên UBND xã.	420	315	236	189
	Đoạn đường từ ngã tư lên chợ Bằng Ca theo đường QL 4A đi Minh Long đến hết ranh giới xã Lý Quốc.	420	315	236	189

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn từ điểm rẽ lên Trạm xá theo đường TL 206 cũ qua Trụ sở UBND xã đến đường TL 207.	420	315	236	189
	Các xóm Hợp Nhất, Bang Dưới, Bản Sao, Bản Khoòng, Lý Vạn	358	269	201	161
II	Xã miền núi				
1	Xã Thống Nhất				
	Các đoạn đường thuộc xã Việt Chu cũ				
	Từ tổ công tác biên phòng Pác Ty đến cột mốc biên giới.	420	315	236	189
	Đoạn đường ven đường tỉnh lộ 207A (tiếp giáp thị trấn Thanh Nhật đến hết thửa đất của ông Nông Văn Chiến Nà Ngườm (thửa đất số 68, tờ bản đồ số 03))	420	315	236	189
	Gồm các xóm ven đường tỉnh lộ 207A (Nà Đăng – Tính, Nà Kéo, Bản Khau)	358	269	201	161
	Đoạn đường từ đường TL 207A đi các xóm: Bản Ngay (đến hết đất xã Thống Nhất), Đồng Nhất, Hợp Nhất	322	242	181	145
	Các đoạn đường thuộc xã Thái Đức cũ				
	Đoạn đường các xóm ven Tỉnh lộ 207A	358	269	201	161
	Đoạn đường từ ngã ba Bó Khao đến Bản Đâu	304	228	171	137
	Đoạn đường từ Kênh Nghiêu đến xóm Đoàn Kết.	304	228	171	137
2	Xã Đồng Loan				
	Gồm các xóm ven đường QL4A (Bản Thuộc, Đồng Thuận, Đồng Tâm, Đồng Tiến)	358	269	201	161
	Đường QL4A – Đồng Tiến	358	269	201	161
	Đoạn đường từ ngã ba đường QL4A rẽ vào Động Dơi đến chân đường lên Động Dơi	358	269	201	161
	Đường vành đai biên giới đoạn xóm Đồng Biên	322	242	181	145
	Đường liên xã từ QL4A rẽ vào xóm Đồng Thuận (Bản Nha cũ) đi Thắng Lợi	322	242	181	145
3	Xã An Lạc				
	Đoạn đường các xóm ven đường Tỉnh lộ 207	358	269	201	161
	Đường liên xã An Lạc – Đoài Dương (Trùng Khánh) từ cầu treo đến hết đất xã An Lạc	322	242	181	145
	Đường liên xã An Lạc – Kim Loan từ ngã ba Tha Hoài nhà ông Trịnh Văn Thanh (thửa đất số 01, tờ bản đồ số 67) đến hết đất An Lạc	322	242	181	145
	Đường liên xã An Lạc – Vinh Quý từ ngã ba giáp đường TL207 đến hết đất An Lạc	322	242	181	145

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đường vào đập thủy điện Nà Lò từ ngã ba Tha Hoài đến cầu xóm Khôn Quang	322	242	181	145
	Đường từ cầu xóm Khôn Quang đến Ngam Mạ (cũ), nay là xóm Khôn Quang, đến hết đường ô tô đi lại được	322	242	181	145
4	Xã Cô Ngân				
	Đường tỉnh lộ 208.	358	269	201	161
	Đường Cô Ngân - Thị Hoa	358	269	201	161
	Đoạn từ đường TL 208 (xóm Bản Nhôn) rẽ vào xóm Bản Nưa	322	242	181	145
	Đoạn từ đường Cô Ngân-Thị Hoa rẽ vào các xóm	322	242	181	145
5	Xã Đức Quang				
	Đoạn đường các xóm ven đường Quốc lộ 4A	358	269	201	161
	Đoạn từ đường Quốc lộ 4A rẽ theo đường vào UBND xã đến hết xóm Nà Sao	358	269	201	161
	Đường liên xã Đức Quang – Chí Viễn (Trùng Khánh)	358	269	201	161
	Đoạn từ đường QL 4A đi Bản Sùng đến hết đất xóm Đoàn Kết	358	269	201	161
6	Xã Kim Loan				
	Từ xóm Lũng Túng, Gia Lường đến xóm Quốc Phong	304	228	171	137
	Từ trụ sở UBND xã Kim Loan đến trường THCS Kim Loan.	304	228	171	137
7	Xã Minh Long				
	Đoạn đường các xóm ven trục đường Quốc lộ 4A	358	269	201	161
	Đường Lũng Đa (bờ sông biên giới)	358	269	201	161
	Đường giao thông liên xã Minh Long - Đồng Loan.	322	242	181	145
	Đường nội đồng xóm Nà Vị - Thông Thắng.	322	242	181	145
	Đường liên thôn xóm Nà Quán - Bản Suối.	322	242	181	145
8	Xã Thắng Lợi				
	Đoạn đường các xóm ven trục đường Quốc lộ 4A	358	269	201	161
	Đường Hùng Cầu	340	255	191	153
	Đường từ xóm Hùng Cầu đi Đức Quang	340	255	191	153
	Đường từ xóm Hùng Cầu đi Bồng Sơn (Chí Viễn, Trùng Khánh)	340	255	191	153
	Đường từ xóm Hùng Cầu đi xóm Đồng Tiến (xã Đồng Loan) đến hết địa giới xã Thắng Lợi	322	242	181	145

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đường từ xóm Hùng Cầu (Rặc Giang cũ) đi Đồng Thuận (Bản Nha cũ, xã Đồng Loan)	322	242	181	145
9	Xã Vinh Quý				
	Bao gồm các xóm trên trục đường Hạ Lang - Cô Ngân.	358	269	201	161
	Đoạn đường từ trạm y tế Vinh Quý đi xã Thống Nhất đến hết ranh giới xã Vinh Quý.	358	269	201	161
	Đường liên xã Vinh Quý - An Lạc đến hết đất Vinh Quý	322	242	181	145

BẢNG 7: BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Thị trấn Thanh Nhật				
1	Đường phố loại II				
	Đoạn đường từ ngã ba gốc cây gạo trước nhà Bà Hoàng Thị Phúc (thửa đất số 137, tờ bản đồ số 16-5) theo Quốc lộ 4A đến công Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện.	2.433	1.825	1.369	958
	Đoạn đường từ ngã ba (gốc cây gạo) theo tỉnh lộ 207A đến Cổng chân núi Phía Khao.	2.433	1.825	1.369	958
	Đoạn đường từ nhà ông Lục Văn Ty (thửa đất số 168, tờ bản đồ số 16-5) theo đường đi Vinh Quý đến hết nhà ông Hoàng Thế Anh (hết thửa đất số 59, tờ bản đồ số 29-5)	2.433	1.825	1.369	958
	Đoạn rẽ lên Huyện Ủy đến công Huyện Ủy.	2.433	1.825	1.369	958
	Toàn bộ các vị trí đất mặt tiền xung quanh chợ Hạ Lang.	2.433	1.825	1.369	958
	Đoạn đường từ ngã ba (gốc cây gạo) theo Tỉnh lộ 207 đi thành phố Cao Bằng đến hết nhà ông Hoàng Văn Thắng (thửa đất số 12, tờ bản đồ số 14-5)	2.433	1.825	1.369	958
	Đoạn đường trung tâm.	2.433	1.825	1.369	958
	Đường tránh thị trấn Thanh Nhật (đoạn từ ngã tư Đổng Deng – trụ sở Hạt kiểm lâm cũ đến ngã 3 Nà Ên giáp Quốc lộ 4A).	2.433	1.825	1.369	958
2	Đường phố loại III				
	Đoạn tiếp giáp nhà ông Hoàng Thế Anh (thửa 59, tờ 29-5) theo đường đi Vinh	1.654	1.241	930	651

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Quý đến đường mòn rẽ đi Sa Tao (xã Thống Nhất)				
	Đoạn từ cổng Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện đến hết ranh giới Thị trấn Thanh Nhật.	1.654	1.241	930	651
	Đoạn đường từ Cổng chân núi Phia Khao đến hết ranh giới thị trấn.	1.654	1.241	930	651
	Các vị trí mặt tiền đoạn đường từ nhà ông Hoàng Văn Thắng (Đoòng Deng) đến hết biển báo thị trấn Thanh Nhật.	1.654	1.241	930	651
	Đoạn từ ngã tư Đoòng Deng đến miếu thờ công khu Phố Hạ Lang (hết thửa số 245 tờ 16-5).	1.654	1.241	930	651
3	Đường Phố Loại IV				
	Đoạn đường Quốc lộ 4A rẽ đi Nà Ёn qua Kéo Sy đến đường Quốc lộ 4A.	1.196	897	673	471
	Đoạn từ ngã ba rẽ đi Sa Tao (xã Thống Nhất) đến hết ranh giới thị trấn Thanh Nhật	1.196	897	673	471
	Đoạn đường từ ngã ba đường Quốc lộ 4A theo đường lên UBND huyện đến đường tránh thị trấn Thanh Nhật.	1.196	897	673	471
4	Đường phố loại V				
	Từ đầu Ngườm Ngược đến cổng Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện.	864	648	486	340
	Đoạn đường từ đường rẽ Kéo Sy đi theo đường vào xóm Sộc Quân đến hết đường ô tô đi lại được.	864	648	486	340
	Đoạn đường từ Cổng làng Ngườm Khang đến hết làng Ngườm Khang.	864	648	486	340

PHỤ LỤC SỐ 8

BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT GIAI ĐOẠN 2020 – 2024

TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN THẠCH AN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

I. NHÓM ĐẤT NÔNG NGHIỆP

BẢNG 1: BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG LÚA

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Loại xã	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã đồng bằng				
	Đất chuyên trồng lúa	LUC	78	55	31
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	71	50	29
	Đất trồng lúa nương	LUN	49	35	20
2	Xã trung du				
	Đất chuyên trồng lúa	LUC	66	47	26
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	60	42	24
	Đất trồng lúa nương	LUN	42	30	17
3	Xã miền núi				
	Đất chuyên trồng lúa	LUC	56	40	23
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	52	36	20
	Đất trồng lúa nương	LUN	36	25	14

BẢNG 2: BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM KHÁC

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

ST T	Loại xã	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã đồng bằng				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	65	46	26
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	46	32	18
2	Xã trung du				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	55	38	22
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	38	26	16
3	Xã miền núi				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	47	32	19
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	32	23	13

BẢNG 3: BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Loại xã	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã đồng bằng	CLN	62	46	32
2	Xã trung du	CLN	53	37	22
3	Xã miền núi	CLN	46	32	18

BẢNG 4: BẢNG GIÁ ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Loại xã	MĐSD	Giá đất
1	Xã đồng bằng	RSX	13
2	Xã trung du	RSX	11
3	Xã miền núi	RSX	9

BẢNG 5: BẢNG GIÁ ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Loại xã	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã đồng bằng	NTS	44	31	18
2	Xã trung du	NTS	38	28	16
3	Xã miền núi	NTS	32	23	13

II. NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP**BẢNG 6: BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN***Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
I	Xã trung du				
1	Xã Lê Lai				
	Đoạn từ giáp thị trấn Đông Khê theo Quốc lộ 34B đến hết làng Nà Keng.	420	315	236	189
	Đoạn đường từ giáp thị trấn Đông Khê theo đường Quốc lộ 4A đến hết làng Nà Ngải.	420	315	236	189
	Đoạn đường từ ngã ba Phai Kéo theo Quốc lộ 34B mới đến hết địa phận xóm Nà Cốc (Keng Vịt).	420	315	236	189
	Đoạn đường từ cuối làng Chộc Sòn (giáp địa giới thị trấn Đông Khê) theo đường đi Đức Long đến chân đèo Tu Hìn. (Quốc lộ 34B)	420	315	236	189
	Đoạn đường từ xóm Độc Lập (tiếp giáp Keng Vịt) theo đường Quốc lộ 34B mới đến hết địa phận xã Lê Lai (giáp xã Vân Trình).	358	269	201	161
	Đoạn đường từ giáp thị trấn Đông Khê đến hồ Nà Sloòng.	358	269	201	161
	Đoạn từ cuối làng Nà Keng theo đường Tỉnh lộ 209 đến hết làng Slằng Kheo.	358	269	201	161
	Đoạn đường từ ngã ba Nà Keng đến hết làng Lũng Lãng.	304	228	171	137
	Đoạn đường từ ngã ba Nà Sloòng vào đến hết làng Lũng Buốt.	304	228	171	137
	Từ ngã ba Nà Keng (nhà bưu điện văn hoá xã) vào đến hết làng Nà Linh.	304	228	171	137
	Đoạn đường từ ngã ba Quốc lộ 34B theo đường bê tông vào hết xóm Độc Lập (giáp xóm Bản Cầm).	304	228	171	137
	Đoạn đường từ ngã ba đường Quốc lộ 4A rẽ trường Tiểu học Tân Việt, vào đến hết xóm Bản Cầm.	304	228	171	137
2	Xã Đức Xuân				
	Đoạn đường từ đầu làng Nà Tục (giáp thị trấn Đông Khê) theo Quốc lộ 4A đến giáp địa giới huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.	420	315	236	189
	Đoạn đường từ Quốc lộ 4A rẽ theo đường làng Khế Choòng đến nhà ông Đình Văn Uy (thửa đất số 325, tờ bản đồ số 31) (xóm Nà Pá).	304	228	171	137
	Đoạn đường từ Quốc lộ 4A theo đường đi xã Lê Lợi hết làng Pác Đông Khuổi Thán nhà ông Vi Văn Hải (Thửa đất số 18, Tờ bản đồ số 40)	304	228	171	137

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ Quốc lộ 4A rẽ vào hết làng Tục Ngã.	304	228	171	137
	Đoạn đường từ ngã ba sau trường Phổ thông cơ sở từ nhà bà Nông Thị Vui (thửa đất số 9, tờ bản đồ số 26) qua xóm Nà Pá trên đến giáp đường đi xã Lê Lợi.	304	228	171	137
	Đoạn đường từ Quốc lộ 4A rẽ vào hết làng Pác Khoang.	304	228	171	137
	Đoạn đường từ Quốc lộ 4A theo đường vào làng Nà Tục đến hết làng Nà Chang (giáp địa giới thị trấn Đông Khê).	304	228	171	137
	Đoạn đường từ cầu Nà Chang rẽ vào hết làng Slòng Luông (tờ BĐ số 8, thửa đất số 50 nhà bà Nông Thúy Hòa đến hết thửa đất số 01, tờ bản đồ số 49, nhà ông Triệu Văn Đức).	304	225	171	137
	Đoạn đường từ cầu Nà Chang rẽ vào hết làng Lũng Pác Khoang (thửa đất số 50 tờ bản đồ số 8, nhà bà Nông Thúy Hòa đến hết thửa đất số 41, tờ bản đồ số 24 nhà ông Lê Văn Tiến).	304	225	171	137
	Đoạn đường từ Quốc lộ 4A theo đường đi xã Lê Lợi hết làng Nà Nhàng (thửa đất số 75, tờ bản đồ số 46, nhà ông Hoàng Đức Huynh đến hết thửa đất số 41, tờ bản đồ số 34, nhà ông Hoàng Văn Linh).	304	225	171	137
	Đoạn đường từ Quốc lộ 4A theo đường đi xã Lê Lợi hết làng Pác Lũng (thửa đất số 75, tờ bản đồ số 46, nhà ông Hoàng Đức Huynh đến hết thửa đất số 80, tờ bản đồ số 85, nhà ông Hoàng Văn Hôn).	304	225	171	137
3	Xã Đức Long				
	Đoạn đường từ Km 0 quốc lộ 34B theo đường trục chính đến hết Trạm phát sóng Vinaphone.	420	315	236	189
	Đoạn đường từ đầu xóm Đoàn Kết qua chợ (thửa đất số 158, tờ bản đồ số 66) đến trường tiểu học (thửa đất số 155, tờ bản đồ số 68)	358	269	201	161
	Đoạn Đường từ đầu xóm Thành Công theo đường đi cửa khẩu đến hết làng Bản Mới.	358	269	201	161
	Đoạn đường từ đầu làng Đoòng Deng theo đường đi Đông Khê đến hết làng Bản Ngèn.	358	269	201	161
	Đoạn đường từ giáp ranh địa giới hành chính xã Đức Long với xã Danh Sỹ theo đường Đông Khê - cửa khẩu Đức Long (QL34B) đến hết làng Bản Viện.	358	269	201	161
	Đoạn đường từ Trạm phát sóng Vinaphone (QL34B) theo đường vành đai biên giới đến mốc 60 tiếp giáp tỉnh Lạng Sơn.	304	228	171	137

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ đầu xóm Đoàn Kết rẽ vào theo đường đi Khuổi Cáp xã Thụy Hùng đến hết xóm Thành Công.	304	228	171	137
	Đoạn đường từ ngã ba Quốc lộ 34B tại Khau Lùng đến đầu nối với đường Quốc lộ 4A tại Bắc Quảng.	304	228	171	137
	Đoạn đường từ ngã ba đường Trục chính cửa khẩu Đức Long (Quốc lộ 34B) theo đường đi xã Mỹ Hưng, huyện Phục Hoà đến ngã ba đường bê tông từ nhà ông Liên Văn Thắng (thửa đất số 23, tờ bản đồ số 90) vào đến xóm Lũng Niêng.	304	228	171	137
	Đoạn đường từ ngã ba Quốc lộ 34B nhà ông Liên Văn Thắng (thửa đất số 23, tờ bản đồ số 90) vào đến hết xóm Lũng Niêng.	304	228	171	137
	Đoạn đường từ ngã ba Quốc lộ 34B theo đường bê tông rẽ vào đến hết xóm Bản Vĩ.	304	228	171	137
	Đoạn đường từ ngã ba nhà ông Đàm Văn Hiệp theo đường bê tông đến hết đất nhà ông Ngôn Văn Công, xóm Bản Nghèn (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 13)	304	228	171	137
	Đoạn đường từ hết làng Bản Nghèn theo đường bê tông đi xã Thụy Hùng đến hết địa giới xã Đức Long (giáp ranh ba xã Đức Long, Danh Sỹ, Thụy Hùng).	304	228	171	137
	Đoạn đường từ Quốc lộ 34 đi Nà Mô Pắc Khoang.	304	228	171	137
	Đoạn đường từ QL 34B đi chân núi Báo Đông.	304	228	171	137
	Đoạn đường nội đồng từ ngã ba rẽ vào nhà ông Đình Văn Dựng đến hết Thông Tầu xóm Thành Công.	304	228	171	137
	Đoạn đường từ đầu làng Thành Công giáp xóm Bản Viện theo Quốc lộ 34b đến Keng Han (tờ bản đồ 66 thửa 208 đến hết thửa đất 206 tờ bản đồ 55)	304	228	171	137
4	Xã Kim Đồng				
	Đoạn đường xung quanh chợ và trụ sở Ủy ban nhân dân xã.	500	375	281	225
	Đoạn đường từ nhà ông Lương Văn Lai (Nà Vai) (thửa đất số 155, tờ bản đồ số 116) theo Quốc lộ 43B (đường đi Cao Bằng) đến ngã ba đường đi xã Đức Thông.	500	375	281	225
	Đoạn đường theo Quốc lộ 34B còn lại.	500	375	281	225
	Đoạn đường từ Quốc lộ 34B rẽ đến hết nhà ông Hoàng Minh Hoan xóm Nà Khao (hết thửa đất số 113, tờ bản đồ số 172).	358	269	201	161

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ Quốc lộ 34B rẽ đến hết nhà ông Triệu Văn Ta, xóm Nà Vai (hết thửa đất số 22, tờ bản đồ số 113).	358	269	201	161
	Đoạn rẽ từ Quốc lộ 34B đi xóm Nặm Nà đến cầu Búng Kít thuộc xóm Nà Vai.	358	269	201	161
	Đoạn rẽ từ Quốc lộ 34B đi xóm Nặm Nà đến hết nhà ông Nông Xuân Trường, xóm Nặm Nà (hết thửa đất số 37, tờ bản đồ số 77).	358	269	201	161
	Đoạn đường từ Quốc lộ 34B đi xóm Nặm Nàng đến hết đất nhà ông Triệu Văn Phúc xóm Nặm Nàng (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 163).	358	269	201	161
	Đoạn đường từ ngã ba Quốc lộ 34B đi xóm Nà Ngừm, Nà Chàm, Bó Pia đến hết đất nhà ông Vương Văn Thanh, xóm Chu Lăng, Bó Chàm (thửa đất số 18, tờ bản đồ số 17).	358	269	201	161
	Đoạn đường từ Quốc lộ 34B đi xóm Xuân Thắng đến hết nhà ông Mông Vương Đức Hợp (hết thửa đất số 58, tờ bản đồ số 62).	358	269	201	161
5	Xã Vân Trình				
	Đoạn đường từ trường Phổ thông Cơ sở đến hết nhà bưu điện văn hoá xã (chợ Thôm Bon cũ).	420	315	236	189
	Đoạn đường từ trường Phổ thông Cơ sở xã theo đường đi Đông Khê (QL34B) đến đầu làng Bó Dường (giáp địa giới xã Lê Lai).	358	269	201	161
	Đoạn đường từ sau nhà bưu điện văn hoá xã (Quốc lộ 34B) đến hết xóm Phạc Sliền (từ thửa đất số 137, tờ bản đồ số 55 đến hết thửa đất số 43, tờ bản đồ số 20).	358	269	201	161
	Đoạn đường từ đầu làng Lũng Xóm đến hết làng Khưa Pát.	358	269	201	161
	Đoạn đường từ Đán Căng (Bó Dường) đến hết xóm Hồng Sơn (từ thửa đất số 38, tờ bản đồ số 77 đến hết thửa đất số 2, tờ bản đồ số 48).	304	228	171	137
	Đoạn đường từ ngã ba Quốc lộ 34B đến nhà văn hoá xóm Nà Ảng (từ thửa đất số 270, tờ bản đồ số 55 đến hết thửa đất số 6, tờ bản đồ số 72).	304	228	171	137
	Đoạn đường từ ngã ba Quốc lộ 34B theo đường vào làng Phạc Sliền đến hết đất nhà ông Bế Ngọc Huân (thửa đất số 153, tờ bản đồ số 73)	304	228	171	137
	Đoạn đường từ nhà ông Vương Văn Yên xóm Bản Cấn (tờ bản đồ số 45, thửa đất số 58) đến hết thửa đất số 186, tờ bản đồ số 25	304	228	171	137

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường sau nhà Ông Nông Văn Tuyến, xóm Bản Cẩn (tờ bản đồ số 47, thửa đất số 34) đến hết nhà ông Nông Văn Đại, xóm Nà Tán (hết thửa đất số 82, tờ bản đồ số 49).	304	228	171	137
	Các đoạn đường thuộc xã Thị Ngân cũ				
	Các vị trí đất mặt tiền khu xung quanh trụ sở UBND xã (UBND xã Thị Ngân cũ).	304	228	171	137
	Đoạn đường từ Trụ sở UBND xã đến hết xóm Bản Cẩn	274	205	154	123
	Đoạn đường từ Nà Kha Kéo (nhà ông Nguyễn Quốc Thanh, thửa đất số 275, tờ bản đồ số 36) xóm Bản Cẩn đến hết đất nhà bà Lộc Thị Sông (hết thửa đất số 74, tờ bản đồ số 30) xóm Bản Muồng (đường Phiêng Chang - Bản Muồng).	274	205	154	123
II	Xã miền núi				
1	Xã Canh Tân				
	Đoạn đường xung quanh chợ Đông Muồng và trụ sở UBND xã (từ thửa đất số 30, tờ bản đồ số 20 đến hết thửa đất số 138, tờ bản đồ số 19)	400	300	225	180
	Đoạn đường từ chợ Đông Muồng theo tỉnh lộ 209 đến hết Trường Phổ thông cấp II, III Canh Tân (từ thửa đất số 01, tờ bản đồ số 24 đến hết thửa đất số 167, tờ bản đồ số 35)	358	269	201	161
	Đoạn đường từ chợ Đông Muồng theo tỉnh lộ 209 đến hết làng Pác Pén (từ thửa đất số 18, tờ bản đồ số 12 đến hết thửa đất số 51, tờ bản đồ số 11)	358	269	201	161
	Đoạn từ Trường Phổ thông cấp II, III đến hết xóm Tân Hoà (từ thửa đất số 16, tờ bản đồ số 42 đến hết thửa đất số 120, tờ bản đồ số 51)	304	228	171	137
	Đoạn đường từ đường Đông Muồng - Trường Phổ thông cấp II, III vào xóm Tân Thành (từ thửa đất số 78, tờ bản đồ số 42 đến hết thửa đất số 136, tờ bản đồ số 55)	304	228	171	137
	Đoạn đường từ Trường cấp 1 + 2 Canh Tân theo đường liên xã Canh Tân - Đức Thông đến giáp địa giới hành chính xã Đức Thông (từ thửa đất số 176, tờ bản đồ số 55 đến hết thửa đất số 29, tờ bản đồ số 119).	304	228	171	137
	Đoạn đường từ ngã 3 Pò Khương đi xóm Tân Hợp đến hết nhà ông Triệu Văn Phúng (từ thửa đất số 183, tờ bản đồ số 55 đến hết thửa đất số 30, tờ bản đồ số 48).	304	228	171	137
	Đoạn đường từ ngã 3 Phai Sliếng đến hết đình Khau Ấc, giáp địa giới hành chính xã Kim Đồng (từ thửa đất số 22, tờ bản đồ số 93 đến hết thửa đất số 26, tờ bản đồ số 99).	304	228	171	137

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ ngã 3 Phai Sliêng đến hết khu Nhà Chia, xóm Tân Tiến (từ thửa đất số 03, tờ bản đồ số 100 đến hết thửa đất số 255, tờ bản đồ số 100).	304	228	171	137
	Đoạn đường từ ngã 3 Khuổi Hoỏng đến hết khu Khuổi Vằm, xóm Tân Hồng (từ thửa đất số 90, tờ bản đồ số 89 đến hết thửa đất số 12, tờ bản đồ số 116).	304	228	171	137
2	Xã Đức Thông				
	Đoạn đường xung quanh trụ sở Ủy ban nhân dân xã.	270	203	152	122
	Đoạn đường từ trụ sở Ủy ban nhân dân xã đến hết trường Phổ thông Cơ sở (Pò Diễm).	270	203	152	122
	Đoạn đường từ trụ sở Ủy ban nhân dân xã đến hết làng Nà Pò.	270	203	152	122
	Đoạn từ ngã 3 nhà ông Nguyễn Thế Khôi (thửa đất số 33, tờ bản đồ số 83) theo đường đi Pò Khoang đến giáp đường Tỉnh lộ 209.	270	203	152	122
	Đoạn đường từ Trường phổ thông cơ sở xã đến hết làng Nà Mềng cũ thuộc xóm Tân Tiến.	230	173	129	104
	Đoạn đường từ đầu xóm Kéo Quý cũ đến cuối xóm Sộc Coóc (cũ) thuộc xóm Kéo Quý.	230	173	129	104
	Đoạn đường từ cuối xóm Kéo Quý theo đường Đức Thông - Trọng Con đến giáp địa giới hành chính xã Trọng Con.	230	173	129	104
	Đoạn đường từ ngã ba cầu Pò Chiêu đi xóm Tân Tiến đến hết đất nhà ông Triệu Văn Đun (hết thửa đất số 272, tờ bản đồ số 34).	230	173	129	104
	Đoạn đường từ cuối xóm Tân Tiến, nhà ông Ma Văn Minh (thửa đất số 77, tờ bản đồ số 34) đến hết địa giới hành chính xã Đức Thông.	196	147	110	88
	Đoạn đường từ đầu xóm Cầu Lặn đến cuối xóm Cầu Lặn	196	147	110	88
	Đoạn đường từ ngã ba theo đường vào xóm Tân Tiến đến nhà ông Nông Văn Giáp (hết thửa đất số 75, tờ bản đồ số 11).	196	147	110	88
	Đoạn đường từ Trường học Pò Diễm theo đường liên xã Đức Thông - Trọng Con đến giáp địa giới hành chính xã Canh Tân.	196	147	110	88
	Đoạn đường từ ngã 3 nhà ông Nông Văn Thắng (thửa đất số 97, tờ bản đồ số 53) theo đường liên xã Đức Thông - Kim Đồng đến hết làng Nà Pò.	196	147	110	88
3	Xã Lê Lợi				
	Đoạn đường từ Nhà ông Nông Văn Tàng (thửa đất số 151, tờ bản đồ số 23) đến cổng trường trung học cơ sở xã.	358	269	201	161

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ đầu làng Nà Nưa đến nhà ông Nông Văn Tàng (thửa đất số 151, tờ bản đồ số 23)	304	228	171	137
	Đoạn đường từ ngã 3 Nà Queng đến hết nhà văn hóa thôn Nà Tấu 1.	304	228	171	137
	Đoạn đường từ ngã 3 giáp ranh nhà ông Mùi Quý Chuyên (thửa đất số 446, tờ bản đồ số 17) đến hết đoạn đường qua nhà ông Đinh Văn Giám thôn Nà Tấu 2.	304	228	171	137
	Đoạn đường từ ngã ba Đông Luông đến hết thôn Nà Niếng.	304	228	171	137
	Đoạn đường từ cổng trường trung học cơ sở xã đến cụm dân cư thôn Đoòng Mu.	304	228	171	137
	Đoạn đường từ đỉnh dốc Keng Sliền đến đỉnh dốc Keng Kéo Slàng.	304	228	171	137
	Đoạn đường từ đỉnh dốc Kéo Slàng đến hết thôn Sliền Ngoại.	304	228	171	137
	Đoạn đường từ ngã ba nhà ông Luyến (thửa đất số 98, tờ bản đồ số 28) đến đỉnh dốc Keng Sliền.	304	228	171	137
	Đoạn đường từ làng Chộc Chảng ngoài vào đến hết làng Bản Đâu (Chộc Chảng trong) (từ thửa đất số 63, tờ bản đồ số 44 đến hết thửa đất số 139, tờ bản đồ số 45).	304	228	171	137
	Đoạn đường từ làng Pác Deng ngoài vào đến hết làng Pác Deng trong (từ thửa đất số 47, tờ bản đồ số 42 đến hết thửa đất số 126, tờ bản đồ số 50).	304	228	171	137
	Đoạn đường liên xã Danh Sỹ - Lê Lợi đi qua thôn Bản Bung xã Lê Lợi (từ thửa đất số 178, tờ bản đồ số 13 đến hết thửa đất số 46, tờ bản đồ số 20).	304	228	171	137
	Các đoạn đường thuộc xã Danh Sỹ cũ				
	Đoạn đường từ chân đèo Tu Hín theo đường cửa khẩu Đức Long (QL34B) đến hết làng Bản Pằng.	358	269	201	161
	Đoạn đường từ đường Đông Khê - Đức Long (QL34B) rẽ vào hết làng Bản Bung.	322	242	181	145
	Đoạn đường từ ngã Bản Pằng (QL34B) đến trụ sở UBND xã Danh Sỹ cũ.	322	242	181	145
	Đoạn đường từ đầu đường Nà Vải đến hết làng Pác Chủ.	304	228	171	137
	Đoạn đường từ làng Pác Chủ vào hết làng Bản Nhận.	304	228	171	137

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ xóm Bản Nhận vào đến hết xóm Chộc Chảnh cũ thuộc xóm Bản Nhận	304	228	171	137
	Đoạn đường từ ngã ba đường nối tỉnh lộ 208 cũ (nay là quốc lộ 4A) (đỉnh Bắc Quảng) theo đường đi cửa khẩu Đức Long	304	228	171	137
4	Xã Thái Cường				
	Đoạn đường thuộc Tỉnh lộ 219.	358	269	201	161
	Đoạn đường từ ngã ba Khuổi Chủ theo Quốc lộ 34B đến hết làng Tềm Tăng.	358	269	201	161
	Đoạn đường từ Hang Kỵ (cầu Sập) đến hết làng Nà Luông.	304	228	171	137
	Đoạn đường từ đỉnh Khau Khoang đến hết phân trường Tềm Tăng.	304	228	171	137
	Đoạn đường từ Khau Khoang (tỉnh lộ 219) đến nhà ông Hồng, xóm Tềm Tăng (Giả Mỵ cũ).	304	228	171	137
	Đoạn đường từ ngã ba Nà Khiếm, thôn Nà Luông đến hết thôn Phiêng Un (từ thửa đất số 01, tờ bản đồ số 38 đến hết thửa đất số 42, tờ bản đồ số 25).	304	228	171	137
	Đoạn đường từ ngã ba Pò Lùng (xóm Lũng Noọc) tờ bản đồ số 62, thửa số 9 đến Lũng Nạn (xóm Pác Han) đến hết thửa đất số 26, tờ bản đồ số 33,	304	228	171	137
	Đoạn đường từ Cốc Cọ (xóm Lũng Noọc) tờ bản đồ số 2, thửa số 484 đến Mạ Lạp (xóm Khuổi Kện) đến hết thửa đất số 89, tờ bản đồ số 79	304	228	171	137
	Đoạn đường Nà Vén (Nà Luông) đến Cốc Chia (Khuổi Ngáng) tờ bản đồ số 47, thửa đất số 284; đến hết thửa đất số 80, tờ bản đồ số 57	304	228	171	137
5	Xã Quang Trọng				
	Đoạn đường xung quanh chợ, nhà trường, trụ sở Ủy ban nhân dân xã.	270	203	152	122
	Từ chợ Pò Bấu theo đường đi Cao Bằng đến giáp địa giới xã Minh Khai.	230	173	129	104
	Đoạn đường từ Cầu tràn Vằng Poỏng đến hết làng Nà Hét.	230	173	129	104
	Đoạn đường từ Bó Đeng đến giáp địa giới hành chính xã Đoàn Kết, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn.	230	173	129	104
	Đoạn đường đầu làng Nà Phạc, xóm Tân Hòa đến Cổng Trời.	196	147	110	88
	Đoạn đường từ ngã 3 Pác Dạng đến Pò Làng.	196	147	110	88

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ ngã 3 Nà Phạc đến Nà Giàn, xóm Tân Hòa.	196	147	110	88
	Đoạn đường rẽ từ Cổng trời đến hết làng Nà Púng (Tân Lập).	196	147	110	88
	Đoạn đường từ ngã 3 Nà Cong đến hết làng Khuổi Kiềng, xóm Hòa Thuận.	196	147	110	88
6	Xã Minh Khai				
	Đoạn đường xung quanh chợ và trụ sở UBND xã, trường Phổ thông cơ sở (thửa đất số 215 tờ bản đồ số 109 đến hết thửa đất số 47, tờ bản đồ số 109,).	270	203	152	122
	Đoạn đường từ chợ Nà Ké đến hết làng Nà Đải (thửa đất số 215 tờ bản đồ số 109, đến hết thửa đất số 75, tờ bản đồ số 140).	270	203	152	122
	Đoạn đường từ chợ Nà Ké đến hết nhà ông Nông Văn Khôn, xóm Nà Sèn (từ thửa đất số 47, tờ bản đồ số 109 đến hết thửa đất số 68, tờ bản đồ số 65).	270	203	152	122
	Đoạn đường từ nhà ông Nông Văn Khôn (xóm Nà Sèn) đến hết nhà bà Lương Thị Đàm (xóm Nà Đoòng) (từ thửa đất số 68, tờ bản đồ số 65 đến hết thửa đất số 57, tờ bản đồ số 21).	230	173	129	104
	Đoạn đường từ nhà bà Lương Thị Đàm (Nà Đoòng) đến hết nhà ông Lương Văn Bầu (Pích Ca) (tờ bản đồ số 21, thửa đất số 57 đến hết thửa đất số 26, tờ bản đồ số 11)	230	173	129	104
	Đoạn đường từ nhà ông Lương Văn Bầu (Pích Ca, Pác Nặm) theo đường Tỉnh lộ 209 đến giáp địa giới xã Canh Tân (Kéo Khuổi Sáng) (tờ bản đồ số 11, thửa đất số 26 đến tờ bản đồ số 03 (lâm nghiệp), thửa đất số 16).	230	173	129	104
	Đoạn đường từ đường Tỉnh lộ 209 vào làng Khau Sliêm tờ bản đồ số 03 (lâm nghiệp), thửa đất số 122, đến thửa số 135), tờ bản đồ số 03.	196	147	110	88
7	Xã Thụy Hùng				
	Đất xung quanh trụ sở Ủy ban nhân dân xã và trường Phổ thông Cơ sở.	358	269	201	161
	Đoạn đường từ khu dân cư Lò vôi theo đường Quốc lộ 4A đến hết làng Ka Liêng (giáp địa giới huyện Phục Hòa).	304	228	171	137
	Đoạn đường từ ngã ba đường Quốc lộ 4A (nhà ông Huân (thửa đất số 17 tờ bản đồ số 18) theo đường đi qua Nà Lít đến hết Nà Ến thuộc xóm Bản Nặng.	304	228	171	137
	Đoạn đường từ ngã ba Lũng Đầy đường Quốc lộ 4A đi qua làng Khuổi Cáp đến hết làng Bản	274	205	154	123